

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 176/2026/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 5 - 2026

Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Quốc Trọng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Thái Hoàng Bo

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 189/2026/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2026 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Trường G, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 300/20 tổ 3, khu phố Long Khánh 3, phường TP, tỉnh Đồng Nai. Căn cước công dân số 075192020240 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/8/2021 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Minh Nh, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp TH, xã TH, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Lê Thị Trường G trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh N chung sống năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (nay UBND phường TP, tỉnh Đồng Nai), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, chị và anh N phát sinh mâu thuẫn do anh N không quan tâm, lo lắng cho gia đình dẫn đến thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành, chị và anh N ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Chị xác định không còn tình cảm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung là cháu Bùi Lê Nh, sinh ngày 23/4/2010. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nh, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với anh Bùi Minh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Trường G có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Bùi Minh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị G, anh N chung sống vào năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị G xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh N không quan tâm, lo lắng cho gia đình dẫn đến thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh N không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị G. Xét thấy, chị G, anh N đã ly thân từ năm 2010 đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị G được ly hôn anh N.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị G, thấy rằng: Cháu Nh đang sống chung chị G vẫn phát triển tốt và cháu có nguyện vọng sống cùng chị G. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nh cho chị Gi tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị G phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Trường G. Cho chị Lê Thị Trường G được ly hôn anh Bùi Minh N.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Lê Nh, sinh ngày 23/4/2010 cho chị Lê Thị Trường G tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Bùi Minh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Trường G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), chị G đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003392 ngày 01 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân phường TP, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đặng Quốc Trọng**

